

Bản án số: 131/2020/DS - PT

Ngày 11 – 6 – 2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Trung

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập

Ông Phạm Việt Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn là Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 136/2020/TLPT-DS ngày 24 tháng 4 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2020/DS-ST ngày 19 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 120/2020/QĐ-PT ngày 13 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1956 (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1961

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị D: Ông Nguyễn Hoàng L (có mặt).

Cùng cư trú: Ấp T, xã T, huyện P, tỉnh C ..

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1959 (vắng mặt).

2. Bà Trần Thị C, sinh năm 1969 (có mặt).

Nơi ĐKKHKT: Ấp T, xã T, huyện P, tỉnh C ..

Hiện cùng trú tại: Khóm 6, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

- Người kháng cáo: Bà Trần Thị C là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Nguyễn Hoàng L là nguyên đơn, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị D trình bày:

Vào năm 2017(âm lịch), vợ chồng ông Nguyễn Văn U và bà Trần Thị C có hỏi vay vợ chồng ông số tiền 110.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận và hứa sẽ trả cho vợ chồng ông số tiền nói trên khi nào vợ chồng ông cho vợ chồng bà C hay trước để chuẩn bị. Vợ chồng ông đến nhà vợ chồng bà C nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà C thanh toán tiền vốn gốc cho vợ chồng ông nhưng đến nay vợ chồng bà C không trả. Vì vậy, ông và bà D cùng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng Út và bà C trả cho vợ chồng ông số tiền vốn vay là 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng).

Bà Trần Thị C bị đơn trình bày:

Bà thừa nhận có vay tiền ông L, bà D từ năm 2014, có hỏi tiền để cho người khác vay lại kiếm lời. Do làm ăn thất bại nên tiền hui không có khả năng đóng nên cứ mỗi lần không có tiền đóng thì phần tiền thiếu cộng dồn. Đến năm 2017, bà viết biên nhận tổng số tiền 130.000.000 đồng. Tuy nhiên, thời gian viết biên nhận là tháng 4/2017, chứ không phải tháng 11/2017 như lời trình bày của ông L. Biên nhận vay số tiền 100.000.000 đồng năm 2017 là do cộng dồn từ năm 2014 trả rồi thiếu lại, mỗi tháng đóng lãi số tiền 5.500.000 đồng (không có giấy tờ). Sau 02 tháng, bà hỏi vay thêm 20.000.000 đồng cũng lãi 5,5 %. Khoản 3 tháng sau, bà hỏi vay tiếp số tiền 10.000.000 đồng đến tháng 4/2017 chốt số nợ là 130.000.000 đồng. Do đóng lãi nhiều, từ tháng 4/2017 đến tháng 6/2018 nên không còn khả năng đóng lãi tiếp. Mỗi tháng đóng 7.200.000 đồng (chỉ có 01 tờ giấy ra hui có ghi tiền lời tháng 7.200.000 đồng). Ngoài ra không có giấy tờ nào khác chứng minh. Hiện tại, bà còn nợ 110.000.000 đồng. Bà đồng ý trả tiền cho ông L, bà D nhưng yêu cầu xem xét cân đối lại phần lãi suất theo quy định của pháp luật từ tháng 4/2017 đến tháng 6/2018.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Văn U vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2020/DS-ST ngày 19 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân quyết định:

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng L và bà Nguyễn Thị D. Buộc ông Nguyễn Văn U, bà Trần Thị C cùng chịu trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Hoàng L và bà Nguyễn Thị D số tiền vay còn nợ là 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 31/3/2020, bà Trần Thị C có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng điều chỉnh lãi suất, giám định chữ ký của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trần Thị C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phản tranh luận tại phiên toà:

Bà Trần Thị C tranh luận: Bà có thiếu ông L, bà D số tiền: 110.000.000 đồng vào tháng 4 năm 2017 và có ký tên trong biên nhận tháng 4 năm 2017. Bà không có ký tên trong biên nhận tháng 12 năm 2017, bà yêu cầu giám định chữ ký của bà tại biên nhận tháng 12 năm 2017.

Ông Nguyễn Hoàng L tranh luận: Ông có cho bà C vay số tiền 110.000.000 đồng. Ông yêu cầu bà C trả nhiều lần nhưng không trả. Ông yêu cầu bà C, ông U trả số tiền vốn 110.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà C. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 08/2020/DS-ST ngày 19 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Trần Thị C kháng cáo cho rằng: Bà không có ký tên vào biên nhận ngày 01 tháng 11 năm 2017 và không có nhận số tiền theo biên nhận. Bà yêu cầu giám định chữ ký của bà tại biên nhận trên và bà yêu cầu điều chỉnh lãi suất vì lãi quá cao.

Xét kháng cáo của bà C, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Tại phiên tòa, bà C thừa nhận: Bà C còn thiếu ông Nguyễn Hoàng L, bà Nguyễn Thị D số tiền 110.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà C cho rằng: Bà C không có nhận tiền theo biên nhận ngày 01 tháng 11 năm 2017. Lời trình bày của bà C là không có cơ sở. Bởi lẽ, Biên bản ghi lời khai ngày 20 tháng 6 năm 2019 của Công an huyện Phú Tân (BL 68), bà C khai: Bà C có vay mượn nợ của bà D số tiền 110.000.000 đồng; Tại biên bản đối chiếu ngày 23 tháng 6 năm 2019 giữa bà D với bà C (BL87), bà C trình bày: Tiền vay, hỏi mượn, hiện tại bà C còn thiếu bà D 110.000.000 đồng, chưa thanh toán; Tờ tự nhận ngày 20 tháng 6 năm 2019 tại Công an huyện Phú Tân (BL 90), bà C còn vay mượn nợ bà D 110.000.000 đồng. Như vậy, bà Trần Thị C có vay và nhận tiền của bà D 110.000.000 đồng là thực tế.

[3] Bà C yêu cầu điều chỉnh lãi suất cho vay vì ông L, bà D cho bà C vay lãi cao, bà có cung cấp giấy hui trong đó có ghi đóng lời 7.200.000 đồng và cho rằng đó là tiền lãi 1 tháng bà phải đóng cho ông L bà D. Nhưng giấy này không thể hiện rõ số tiền này đóng lãi cho khoản tiền nào, bà C thừa nhận đây là số tiền lãi trước khi làm biên nhận chốt nợ năm 2017. Hơn nữa Ông L, bà D không thừa nhận có nhận tiền lãi từ bà C, ông U. Ngoài ra bà C không có chứng cứ nào khác chứng minh bà C có trả lãi cho ông L, bà D. Do đó, bà C yêu cầu đối trừ tiền lãi vào vốn là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Bà C yêu cầu giám định chữ ký của bà tại biên nhận ngày 01 tháng 11 năm 2017 nhằm xác định bà không có ký tên vào biên nhận và không có nhận tiền. Thực tế, bà C có vay và nhận tiền của ông L, bà D do chính bà C thừa nhận như nhận định ở phần [1] nên việc xác định có phải chữ ký, chữ viết họ tên Cảnh trong biên nhận ngày 01 tháng 11 năm 2017 không có ý nghĩa trong việc xác định có hay không việc vay 110.000.000 đồng và không ảnh hưởng đến việc trả lãi do bà C không có chứng cứ chứng minh việc trả lãi như trình bày của bà C.

[5] Từ những nhận định trên, Bản án sơ thẩm số 08/2020/DS-ST ngày 19 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân là có căn cứ. Bà C kháng cáo yêu cầu đòi trừ số tiền đóng lãi vào vốn và sửa án sơ thẩm là không có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm, bà Trần Thị C chịu theo quy định.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị C

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 08/2020/DS-ST ngày 19 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng L và bà Nguyễn Thị D.

Buộc ông Nguyễn Văn U, bà Trần Thị C cùng chịu trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Hoàng L và bà Nguyễn Thị D số tiền 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Nguyễn Văn U, bà Trần Thị C phải chịu số tiền 5.500.000 đồng (năm triệu năm trăm nghìn đồng). Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Hoàng L không phải chịu. Ngày 14/10/2019 ông L, bà D có nộp tạm ứng án phí với số tiền 2.750.000 đồng (hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tại Biên lai thu số 0019556 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, được nhận lại.

Về án phí phúc thẩm: Bà Trần Thị C phải chịu 300.000 đồng. Ngày 31/3/2020, bà C đã dự nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0019989 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân được đối trừ chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Phú Tân ;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Minh Trung